

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/01/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người		Hàng
1		TD1+BK5+CLO	7:25	15+0+7	0+0+0		13+1+6	0+0+0	
2		TD5+TD1	7:25	20+2	0+0		13+0	0+0	
3		TD3	9:25	22	0+0		0+22	0+0	
4		SAVR+TD2	9:25	4+16	0+0		3+13	0+0	
5		CLO+BK3	12:00	20+2	0+0		12+1	0+0	
6		PVD8	12:00	19	0		0	0	
7		TD2+CTK3	14:00	15+6	0+0		0+8	0+0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ đi về trong ngày BK20-Ing



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD1 - BK5 - CLO	CREW: VIỆT - N.CƯỜNG - THÀNH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0180	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ TŨ NAM	TD1	93	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT CHUÔNG	TD1	94	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	89-90	2	16			55	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ VĂN KIÊN	TD1	54	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	TD1	91-92	2	14			79	KHOAN	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN KHANH	TD1	87-88	2	16			77	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM ĐOÌ	TD1	48	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
8	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD1	85-86	2	14			84	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ HỮU HUNG	TD1	53	1	13			74	KHOAN	Vietnamese
10	HÀ MINH TUẤN	TD1	55	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN BÌNH	TD1	98-99,96	3	13			60	KHOAN	Vietnamese
12	DOROSHENKO MAXIM	TD1	50	1	11			98	KHOAN	Russian
13	HOANG XUAN THI	TD1	49	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NGHĨA *	TD1	56	1	15			80	DVL	Vietnamese
15	ĐÀO VĂN YẾN	TD1	51-52	2	17			64	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN HOANG TRƯỞNG	CLO	90-91	2	24			71	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LỰC	CLO	02	1	6			57	KHOAN	Vietnamese
18	LÂM XUAN TU	CLO	86	1	7			81	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	CLO	88-89	2	11			64	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN CHI NGHIỆP	CLO	85	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN VỊNH	CLO	87	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
22	MIRSAYAPOV RUSLAN	CLO	01	1	8			104	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	15	1.100	22	157	0	0	13		
2	BK5	0	0	0	0	0	0	1		
3	CLO	7	526	9	67	0	0	7		
TOTAL		22	1.626	31	224	0	0	21		
WEIGHT KG			1.626		224		0			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD5 - TD1	CREW: DƯƠNG - ĐNAM - VŨ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0183	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM XUÂN HẢI	TD5	95	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
2	NHŨ THANH TUYỀN	TD5	99,200	2	7			68	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN DIỆU	TD5	93	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN THẾ ĐĂNG	TD5	46	1	9			74	KHOAN	Vietnamese
5	CAO ĐỨC HAI	TD5	49	1	5			84	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ QUỐC BAO	TD5	48	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH CÔNG	TD5						87	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT DŨNG	TD5	72	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
9	ĐÀO QUANG MINH	TD5	97	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN HOANG LAM	TD5	89	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ VINH CUÔNG	TD5	96	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
12	BUI TAN BINH	TD5	94	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN DUY	TD5	73	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANH VŨ	TD5	98	1	10			72	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẶNG MINH TUẤN *	TD5	47	1	15			88	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ THẾ HUNG	TD5	52	1	12			66	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	51	1	13			77	BAKER HUC	Vietnamese
18	MUHAMMAD AFIQ BIN OTHMAN	TD5	91-92	2	20			101	BAKER HUC	Malaysian
19	ĐỖ GIA LƯỢNG	TD5	50	1	10			105	BAKER HUC	Vietnamese
20	VŨ THANH DƯƠNG	TD5	90	1	7			87	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU TRIẾT	TD1	51	1	7			69	DVL	Vietnamese
22	DƯƠNG TRUNG KIẾN *	TD1	52	1	12			57	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	20	1.546	21	153	0	0	13		
2	TD1	2	126	2	19	0	0	0		
TOTAL		22	1.672	23	172	0	0	13		
WEIGHT KG			1.672		172		0			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN ĐỨC NAM





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: TD3	CREW: HÙNG - KHOÀN - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0181	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN LÂM VINH NGUYỄN*	TD3	33	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
2	HOÀNG NGỌC NGHĨA	TD3	23	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
3	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	24	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN KÝ	TD3	43	1	5			91	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HAI 81	TD3	31	1	3			59	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ TIẾN LỰC	TD3	21	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN TUẤN	TD3	29	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG HUY LONG	TD3	37	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	20	1	12			80	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH QUANG CHIẾN	TD3	32	1	16			74	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG*	TD3	36	1	13			75	KHOAN	Vietnamese
12	NGO VĂN SƠN	TD3	30	1	10			84	KHOAN	Vietnamese
13	CHU QUANG SƠN*	TD3	28	1	12			75	KHOAN	Vietnamese
14	KOSHELEV PAVEL	TD3	27	1	4			88	KHOAN	Russian
15	PHAN TRÚC TUYẾN	TD3	18	1	6			63	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ NGUYỄN KHANG	TD3	22	1	6			80	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ NGỌC THÀNH	TD3	44-46	3	15	4	76	65	KHOAN	Vietnamese
18	PHÙNG VĂN XUYẾN	TD3	38	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
19	HÀ KHƯƠNG DUY*	TD3	39-40	2	19			66	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ VĂN QUẢN*	TD3	41-42	2	17			71	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM DINH TIẾN	TD3	25-26	2	20			61	BKH	Vietnamese
22	TRẦN THANH TUẤN	TD3	34	1	10	1	18	78	BKH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	22	1.590	27	200	5	94	18		
TOTAL		22	1.590	27	200	5	94	18		
WEIGHT KG			1.590		200		94			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
ĐỖ XUÂN HOÀN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: VANG 2	TO:SAVR- TD2	CREW: DƯƠNG - ĐNAM - VŨ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/0184	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN THẾ DŨNG	SAVR	30	1	10			67	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG THÀNH *	SAVR	28	1	13			71	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU VIỆT	SAVR	27	1	10			68	ANTOAN	Vietnamese
4	TRẦN ĐẶC LIÊM	SAVR	29	1	12	3	86	89	ANTOAN	Vietnamese
5	PHAN TUẤN ANH	TD2	15	1	7			87	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM THẾ CHUYỀN	TD2	03	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ VĂN ĐOÀI	TD2	13	1	3			83	KHOAN	Vietnamese
8	HỒ CHI CÔNG	TD2	06	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	02	1	2			76	KHOAN	Vietnamese
10	MAI ĐỨC THÂN	TD2	01	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
11	MARTYNOV M.	TD2	16	1	17			110	ANTOAN	Russian
12	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	04	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM LÊ NAM	TD2	14	1	2			74	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN MẠNH	TD2	08	1	9			61	KHOAN	Vietnamese
15	MAI DUY KHÁNH	TD2	05	1	10			75	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ MINH ĐỨC	TD2	07	1	4			88	KHOAN	Vietnamese
17	HỒ VĂN HÙNG	TD2	09	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
18	BUI NGOC QUANG	TD2	10	1	7			58	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU LUÂN	TD2	11	1	9			69	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN TRỌNG TIỀN	TD2	12	1	14			78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	4	295	4	45	3	86	3		
2	TD2	16	1.212	16	112	0	0	13		
TOTAL		20	1.507	20	157	3	86	16		
WEIGHT KG			1.507		157		86			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN ĐỨC NAM





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: CLO - BK3	CREW: HUNG - KHOAN - THU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/0182	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TU QUOC VIET	CLO	11	1	11			62	KHOAN	Vietnamese
2	VUONG NGOC HOAN	CLO	12	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
3	VU HAI LONG	CLO	07	1	7	4	70	78	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN TUAN	CLO	13	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN SI LONG	CLO	10	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN HAM HA	CLO	17	1	5			65	DVL	Vietnamese
7	NGO VAN TUAN	CLO	04	1	8			81	XAYLAP	Vietnamese
8	DUONG MINH HOANG	CLO	09	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG KHAC CUONG	CLO	02	1	16			70	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM VAN PHUC	CLO	22-23	2	21			80	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC CUONG	CLO	05-06	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN VAN DOAN	CLO	24	1	11			75	XAYLAP	Vietnamese
13	DO XUAN HIỆP	CLO	14-15	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC HUNG	CLO	03	1	15			73	XAYLAP	Vietnamese
15	TRUONG VAN PHUC	CLO	16	1	16			74	XAYLAP	Vietnamese
16	LE CU	CLO	18-19	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI VAN TUAN	CLO	21	1	11			66	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM VAN CAO	CLO	20	1	11			60	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐANG ANH TUAN	CLO	01	1	18			49	XAYLAP	Vietnamese
20	LE THE LONG	CLO	08	1	12			73	XAYLAP	Vietnamese
21	VU VAN THUONG	BK3	15	1	7			63	NAM TIEN	Vietnamese
22	ĐAO MINH VUONG	BK3	16-18	3	14			57	NAM TIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	20	1.404	24	253	4	70	12		
2	BK3	2	120	4	21	0	0	1		
TOTAL		22	1.524	28	274	4	70	13		
WEIGHT KG			1.524		274		70			

GRAND TOAL: 1.868 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG
ĐỖ XUÂN HOÀN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: PVD8	CREW: VTHẮNG - HTRUNG - TÚ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/0185	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRINH HUU HIEU	PVD8	08-09	2	17			74	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI THANH LY	PVD8	17-18	2	17			67	XAYLAP	Vietnamese
3	DO TIEN MANH	PVD8	13-14	2	19	3	52	81	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN DINH KY	PVD8	21	1	16			65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN NGHI	PVD8	22	1	10	1	12	73	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM MINH THE*	PVD8	25	1	12			79	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN VAN PHUONG	PVD8	30,10	2	15			64	XAYLAP	Vietnamese
8	VU MANH THANG	PVD8	26	1	10	1	11	59	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN DANH CHIEN	PVD8	15-16	2	18			74	XAYLAP	Vietnamese
10	DUONG VAN TUAN*	PVD8	28-29	2	18			75	XAYLAP	Vietnamese
11	DAO MINH HAI	PVD8	11-12	2	14			69	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN DUC VUONG	PVD8	19	1	13			68	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN NGOC DUONG*	PVD8	24	1	11			66	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN THANH BINH*	PVD8	20	1	7			66	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN ANH TUAN	PVD8	31-32	2	11			75	XAYLAP	Vietnamese
16	CHAUDHARI GOPAL	PVD8	98-99	2	20			74	NHATHAU	Indian
17	NGUYEN DINH NHAT TRUONG*	PVD8	96-97	2	11			67	NHATHAU	Vietnamese
18	NGUYEN TUONG QUAN	PVD8	94-95	2	14			71	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	18	1.267	29	253	5	75	0		
TOTAL		18	1.267	29	253	5	75	0		
WEIGHT KG			1.267		253		75			

GRAND TOAL: 1.595 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: HONG-4	TO: TD2 - CTK3	CREW: VTHĂNG - HTRUNG - TÚ	ETA: 16:50
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/0186	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGÔ DUY NGỌC	TD2	21	1	13			61	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN HAI LÂM	TD2	18	1	9			65	KHOAN	Vietnamese
3	ĐÌNH KIM NGHĨA*	TD2	30	1	5			101	NHATHAU	Vietnamese
4	PHẠM MINH PHƯƠNG	TD2	34	1	9			71	NHATHAU	Vietnamese
5	TRẦN MINH TUẤN*	TD2	31	1	13			79	CODIEN	Vietnamese
6	TRẦN SƠN TUNG	TD2	22	1	8			68	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN TOÀN THẮNG	TD2	19-20	2	18			74	CODIEN	Vietnamese
8	CHU TUẤN ANH	TD2	29	1	11	2	16	62	CODIEN	Vietnamese
9	LÊ NGỌC HIỆP	TD2	27-28	2	14			81	CODIEN	Vietnamese
10	TRƯƠNG QUỐC THẮNG*	TD2	25	1	16			87	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN VĨNH*	TD2	23	1	15			92	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TD2	32-33	2	11			68	DVL	Vietnamese
13	LÊ PHU PHÚC	TD2	26	1	8			79	DVL	Vietnamese
14	HOÀNG BA THẮNG	TD2	24	1	14			59	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HIẾU*	TD2	17	1	13			85	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN THAI QUAN	CTK3	92-93	2	18			62	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC HÙNG	CTK3	88	1	13			66	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ TU KHÁ	CTK3	97-98	2	17			87	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ ANH CUÔNG*	CTK3	90	1	13	1	11	74	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN CÔNG MINH	CTK3	91	1	17	2	45	84	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN MẠNH HIỆN	CTK3	94-96	3	17			76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	15	1.132	18	177	2	16	0		
2	CTK3	6	449	10	95	3	56	8		
TOTAL		21	1.581	28	272	5	72	8		
WEIGHT KG			1.581		272		72			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN THĂNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG